

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc.
2. Bà Nguyễn Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Bùi Văn L, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Xóm 2, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Xóm T, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa: Có mặt ông L, bà C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/01/2018, bản tự khai, lời khai, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn là ông Bùi Văn L tại phiên tòa với nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị C lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tháng 02/1977 âm lịch tại Ủy ban nhân dân

xã C, huyện L, tỉnh H (nay là tỉnh H) và được gia đình bố mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng về làm ăn sinh sống tại xóm T, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam nhưng cuộc sống hàng ngày thường xuyên căng thẳng vì tính cách không hợp nhau. Ông L và bà C có cách sống hoàn toàn khác biệt với nhau, ông L là người ít nói và luôn sống có trách nhiệm với gia đình còn bà C lại là người nói nhiều, lười lao động nhưng muốn có một cuộc sống hưởng thụ. Kinh tế gia đình một mình ông L làm nên nhưng vẫn bị bà C mắng chửi. Nhiều lần ông L và gia đình bố mẹ hai bên khuyên bà C nên thay đổi cách cư xử với chồng con, thay đổi cách sống nhưng bà C không nghe. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1984 thì bắt đầu mâu thuẫn căng thẳng. Từ tháng 8/1988 đến nay, ông L đi làm ăn sinh sống tại huyện K, tỉnh Hà Nam và vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến đời sống tình cảm của ai. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, ông L chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị C1 (bà C1 đã chết từ năm 2008) tại huyện K, có con riêng nhưng ông L vẫn thường xuyên đưa tiền cho bà C nuôi các con chung ăn học. Tháng 10/2017 ông L về bàn với bà C việc ông L tự bỏ tiền ra để xây nhà mới cho bà C và các con ở nhưng bà C không đồng ý mà còn viết đơn tố cáo ông L đến Ủy ban nhân dân xã C, Ủy ban nhân dân huyện L và Công an huyện L. Khi Công an xã và Công an huyện L mời đến giải quyết thì bà C không đến rồi về nhà tiếp tục mắng chửi ông L nên ông L mới quyết định ly hôn. Nay ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với bà C.

* Lời trình bày của bà Nguyễn Thị C lưu tại hồ sơ vụ án:

Về điều kiện và thời gian kết hôn như ông L đã trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1983 thì mâu thuẫn vì ông L ngoại tình và chung sống với bà C1 ở huyện K. Từ năm 1985 đến nay vợ chồng sống ly thân, ông L đi ở cùng với vợ hai mà không quan tâm gì đến bà C và các con, thỉnh thoảng ông L có về cho các con ít tiền. Khi bà C còn trẻ ông L không về yêu cầu giải quyết ly hôn mà nay bà C già rồi ông L mới về yêu cầu ly hôn vì vậy bà C không nhất trí ly hôn với ông L, nếu ông L vẫn yêu cầu ly hôn bà C mặc kệ ông L, bà C chỉ cần tự do ở nhà của bà C, ông L muốn đưa vợ hai, vợ ba về ở hay xây nhà mấy tầng kệ ông L.

- Về con chung: Ông L và bà C xác nhận: Vợ chồng có 03 con chung là chị Bùi Thị L, sinh năm 1978; chị Bùi Thị T, sinh năm 1980 và anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1987. Hiện nay các con của ông L và bà C đều đã có vợ, có chồng, trưởng thành tự lập, ông L và bà C không còn phải nuôi dưỡng. Nếu ly hôn ông L và bà C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về con riêng: Ông L có một con riêng là anh Bùi Văn L, sinh năm 1989. Hiện con riêng của ông L đã đủ 18 tuổi, có vợ con và trưởng thành, tự lập. Khi ông L và bà C ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về con riêng của ông L.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Ông L và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 10/5/2018, bà C vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho ông L, bà C được.

* Tại phiên tòa:

- Ông L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bà C; con chung và con riêng của ông L đều trên 18 tuổi đã tự lập và trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và các vấn đề khác: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: ông L tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Bà C tự ý bỏ về sau khi kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam có quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không tuân theo pháp luật tố tụng dân sự mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; tại phiên tòa, bị đơn tự ý bỏ về sau khi Hội đồng xét xử đã thực hiện xong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa là tự bỏ quyền của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Ông L và bà C kết hôn hợp pháp, từ năm 1985 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến tình cảm của nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã rạn nứt trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông L và bà C. Đối với con chung, vợ chồng ông L và bà C có ba con chung là chị L, chị T, anh Đ. Ông L có 01 con riêng là anh L. Hiện nay cả ba con chung của ông L, bà C và con riêng của ông L đã đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập nên không phải giải quyết.

Các vấn đề khác, ông L và bà C không yêu cầu nên không giải quyết. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Văn L và Nguyễn Thị C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân giải quyết vụ việc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Về tố tụng: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà C lấy nhau là tự nguyện có đăng ký kết hôn, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông L cho rằng, vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống, bà C là người lười lao động, kinh tế gia đình một mình ông L làm ra nhưng bà C thường xuyên mắng chửi ông L. Năm 1984 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng đến năm 1988 thì ông L chung sống như vợ chồng với bà C ở huyện K nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Bà C cho rằng, ông L có quan hệ ngoại tình, chung sống như vợ chồng với bà C từ năm 1985 và không quan tâm đến vợ con. Xét thấy, từ năm 1985 đến nay vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến đời sống tình cảm của ai chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã rạn nứt trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho ông L được ly hôn với bà C là hoàn toàn phù hợp thực tế và pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là chị Bùi Thị L, sinh năm 1978; chị Bùi Thị T, sinh năm 1980 và anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1987 đều đã trên 18 tuổi đã trưởng thành, tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về con riêng: Ông L có 01 con riêng là anh Bùi Văn L, sinh năm 1989. Anh L đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm do yêu cầu được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: - Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị C.

- Về con chung: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1978; chị Bùi Thị T, sinh năm 1980 và anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1987 đều đã trên 18 tuổi đã trưởng thành, tự lập các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về con riêng: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1989. Anh L đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Bùi Văn L phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, trừ tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 03903 ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Ông L đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, đối với ông L kể từ ngày tuyên án, đối với bà C thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Lý Nhân;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thành Nam